

CÔNG TY CỔ PHẦN BEIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BEIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEIN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108687003

3. Ngày thành lập: 05/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 100, phố Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 6686 4439

Fax:

Email:

Website: www.beinnutri.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
2.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
4.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
5.	Lập trình máy vi tính	6201
6.	Trồng cây điều	0123
7.	Trồng cây hồ tiêu	0124
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
11.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

12.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
13.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632(Chính)
14.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
15.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
18.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
19.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
20.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
21.	Sản xuất giày, dép	1520
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt, bột, bột nhão.	4669
24.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá) Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
26.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
27.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

28.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
33.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
34.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
35.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
36.	Sản xuất rượu vang	1102
37.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
38.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
42.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Bán buôn đồ uống	4633
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);	5630
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
55.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
56.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
57.	Chăn nuôi khác chi tiết: Nuôi ong và sản xuất mật ong;	0149
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
59.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
61.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761

62.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật)	0161
63.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
64.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
65.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
66.	Thu gom rác thải độc hại	3812
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
68.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
69.	Xuất bản phần mềm (Không bao gồm hoạt động xuất bản phẩm)	5820
70.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
71.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
72.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
73.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
74.	Trồng lúa	0111
75.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
76.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
77.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
78.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); v.v..	0119
79.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
80.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm	4789
82.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
83.	Đại lý du lịch chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7911
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
86.	Tái chế phế liệu	3830
87.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
88.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
89.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
90.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662

91.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
92.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
93.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
94.	Trồng cây ăn quả	0121
95.	Trồng cây mía	0114
96.	Trồng cây lấy sợi	0116
97.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
98.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
99.	Trồng cây cao su	0125
100.	Trồng cây cà phê	0126
101.	Trồng cây chè	0127
102.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
103.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
104.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
105.	Dịch vụ đóng gói	8292
106.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
107.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
108.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
109.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
110.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
111.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
112.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
113.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
114.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
115.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
116.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
117.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
118.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
119.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543

120.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo;	8230
121.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
122.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (trừ hoạt động thể thao)	9610
123.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết:- Cắt tóc, gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc, duỗi thẳng, ép tóc và các dịch vụ làm tóc khác phục vụ cả nam và nữ; - Cắt, tỉa và cạo râu; - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	9631
124.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc	2100
125.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
126.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;	1079

127.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế	4649
128.	Sản xuất sợi	1311
129.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
130.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
131.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
132.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
133.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
134.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THIÊN THỊNH	Tập thể xí nghiệp Xây dựng chuyên ngành, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	012211925	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	NGUYỄN PHI DŨNG	Thôn Đông Lao, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	40,000	0010810032 11	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	40,000		
3	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	Thôn Đông Lao, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	0011860092 79	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN PHI DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001081003211

Ngày cấp: 13/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông Lao, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đông Lao, Xã Đông La, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội